

Bản án số: 163/2021/HS-PT

Ngày: 22/11/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Dung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Vinh

Ông Nguyễn Văn Ngừ

- Thư ký phiên toà: Ông Dương Chí Dũng- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Thân Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 22/11/2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 307/TLPT-HS ngày 12 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Văn B do có kháng cáo của bị hại Trần Văn H đối với bản án hình sự sơ thẩm số 78/2021/HSST ngày 07/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Bị cáo không kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm 1945 (đã chết) và bà: Đỗ Thị T, sinh năm 1950; có vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1984 và 02 con, con lớn sinh năm 2014 và con nhỏ sinh năm 2019; gia đình bị cáo có 07 chị em ruột, bản thân là con thứ 07 trong gia đình; tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Bản án số: 06/2009/HSST ngày 21/01/2009 của Tòa án nhân dân huyện L xử phạt 36 tháng tù, về tội “Tàng trữ, vận chuyển trái pháp chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/4/2011; chấp hành xong án phí, hình phạt bổ sung ngày 13/01/2015.

- Bị cáo đầu thú bị tạm giữ ngày 25/5/2021, tạm giam từ ngày 28/5/2021 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

- Bị hại có kháng cáo: Ông Trần Văn H, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn B, sinh năm 1986, trú tại thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang là đối tượng nghiện ma túy. Khoảng 13 giờ ngày 15/5/2021, Nguyễn Văn B đi bộ qua nhà anh Trần Văn H, sinh năm 1972 ở cùng thôn thấy cổng nhà anh H mở, trong sân đang dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh- đen- bạc, BKS 98B3-336.81, trên xe lắp 01 giá thò hàng bằng sắt nên B nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Quan sát không người, B đi đến gần vị trí để xe mô tô, thấy chiếc xe không khóa cổ, B dắt xe ra khỏi nhà anh H, rồi dắt thẳng đến nhà bỏ hoang của chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1974 ở cùng thôn (nhà không có người ở). Theo B khai, tại đây B tìm được một chiếc tua vít 02 cạnh, dài khoảng 30cm, B dùng tua vít tháo yếm xe ra rồi đấu dây điện nổ máy. Sau đó, B điều khiển xe trộm cắp đến thị trấn K, huyện L để tìm chỗ tiêu thụ. Trên đường đi B đã vứt chiếc tua vít đi. Khi đến khu vực đường tàu gần khu 3, thị trấn Kép, B khai gặp một người thanh niên quen biết từ trước (B không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể của người này), B nhờ người thanh niên trông xe hộ để B đi để tìm phòng trọ. Khoảng 30 phút sau, B quay lại vị trí để xe thì không thấy người thanh niên đó đâu, chỉ thấy cốp xe mô tô đã bị cạy phá. B mở cốp xe ra thì phát hiện trong cốp xe có 01 chiếc ví da màu nâu, 01 đăng ký xe mô tô BKS 98B3-336.81, 01 đăng ký xe mô tô BKS 98H1-8264, 01 bảo hiểm y tế, 01 bảo hiểm trách nhiệm dân sự xe, 01 bằng lái xe mô tô, 01 chứng minh nhân dân đều mang tên anh Trần Văn H. B lấy giấy tờ để vào túi quần trước, còn chiếc ví da B vứt đi. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, do không tìm được cửa hàng cầm cố xe mô tô, B dùng điện thoại di động nhãn hiệu Masstel gọi vào số điện thoại 0399.653.233 cho người bạn quen biết xã hội tên L ở huyện H để hỏi chỗ cầm cố xe. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, khi đi qua thị trấn T, huyện H được khoảng 3 km thì B gặp L đi cùng một người thanh niên. L hỏi B về nguồn gốc xe thì B nói là xe của B. Sau đó, B được người thanh niên đi cùng L đưa đến 01 cửa hàng ở thị trấn huyện H. Tại đây, B cầm cố xe mô tô kèm 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS 98B3-336.81 được số tiền 8.000.000 đồng. Sau đó người thanh niên chở B về xã N, huyện T thì B xuống xe. Trên đường đi B đã vứt 01 bảo hiểm y tế, 01 bảo hiểm xe của anh H đi, B giữ lại 01 đăng ký xe mô tô BKS 98H1-8264. Sau khi cầm cố được số tiền 8.000.000 đồng, B khai đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 25/5/2021, nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật B đến Công an xã B, huyện L đầu thú, giao nộp: 01 đăng ký mô tô BKS 98H1- 8264 mang tên Trần Văn H; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Masstel màu đen (BL 85).

Cơ quan điều tra đã yêu cầu định giá 01 xe mô tô BKS 98B3-336.81, 01 giá thò hàng bằng sắt, 01 chiếc ví da màu nâu. Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 27/5/2021 và ngày 15/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L, kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn xanh, đen, bạc, BKS 98B3-336.81 trị giá 10.500.000 đồng; 01 giá thò hàng có giá trị 350.000 đồng; 01 ví da màu nâu giá trị 0 đồng (BL 22, 27).

Trong vụ án này, anh H khai ngoài những tài sản bị trộm cắp nêu trên thì anh còn bị mất số tiền 2.000.000 đồng để trong ví ở cốp xe. Quá trình điều tra, B không

thừa nhận, B khai khi nhờ người thanh niên trông xe hộ thì thấy cốp xe đã bị mở, B không biết trong ví có số tiền 2.000.000 đồng hay không. Ngoài lời khai của anh H thì không còn tài liệu, chứng cứ nào khác nên Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ xử lý đối với B.

Đối với 01 chiếc tua vít và 01 giấy bảo hiểm y tế, 01 giấy bảo hiểm xe mô tô của anh H, B khai đã vứt trên đường đi không nhớ cụ thể ở vị trí nào nên Cơ quan điều tra không có căn cứ truy tìm, xử lý.

Đối với số điện thoại 0399.653.233 (B khai là L), quá trình điều tra xác định thông tin đăng ký thuê bao là anh Mông Văn T, sinh năm 1977 ở thôn Đ, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Anh T khai năm 2017, anh có đăng ký sử dụng số điện thoại trên. Tuy nhiên sau đó đã làm mất điện thoại và không sử dụng số thuê bao này nữa nên Cơ quan điều tra chưa có căn cứ để làm rõ đối tượng tên L và người thanh niên đi cùng.

Về trách nhiệm dân sự: Anh H yêu cầu B phải hoàn trả lại toàn bộ tài sản cho anh, anh không đồng ý bồi thường bằng tiền.

Về vật chứng của vụ án gồm: 01 đăng ký mô tô BKS 98H1- 8264 mang tên Trần Văn H; 01 chiếc điện thoại Masstel màu đen, Cơ quan điều tra Công an huyện L chuyển xử lý cùng vụ án.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn B thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu ở trên.

Tại bản Cáo trạng số: 73/CT-VKS-HS ngày 18 tháng 8 năm 2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn B về tội Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2021/HSST ngày 07/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 12 (mười hai) tháng tù về Tội trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 25/5/2021).

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Trần Văn H 11.850.000 đồng (mười một triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên phạt với bị cáo khác, tuyên phần xử lý vật chứng, phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/9/2021 bị hại kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị tăng bồi thường là 19 triệu.

Tại cấp phúc thẩm, bị hại Trần Văn H kháng cáo tăng bồi thường, lý do: Ông H không đồng ý với phần trách nhiệm dân sự, yêu cầu tăng bồi thường là 19 triệu, trong đó có cả 02 triệu trong ví của ông H.

Bị cáo B không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông H, đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà bị hại nêu ra đã kết luận và đề nghị HĐXX phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 không chấp nhận kháng cáo tăng bồi thường của bị hại Trần Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị hại tranh luận: Không đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát.

Bị cáo Nguyễn Văn B nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị hại Trần Văn H đã nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét.

[2] Qua quá trình xét xử thấy đủ cơ sở xác định:

Khoảng 13 giờ ngày 15/5/2021, tại nhà anh Trần Văn H. Nguyễn Văn B có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn xanh, đen, bạc, BKS 98B3-336.81; 01 chiếc giá thò hàng bằng sắt trên xe mô tô và 01 ví da màu nâu. Tổng giá trị tài sản B trộm cắp của anh H là 10.850.000 đồng.

Bị cáo lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại. Do đó hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội trộm cắp tài sản, được quy định tại Điều 173 của BLHS.

Tài sản các bị cáo chiếm đoạt trị giá 10.850.000 đồng, nên đã phạm vào khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Bị cáo Nguyễn Văn B thừa nhận toàn bộ hành vi như án sơ thẩm nêu là đúng, không oan. Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2021/HS-ST ngày 07/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của người bị hại ông Trần Văn H thì thấy:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật nhà nước ta bảo vệ, làm mất trật tự an ninh, xã hội tại địa phương. Do vậy cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

Cấp sơ thẩm sau khi xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện, khách quan tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo đã xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản là đảm bảo quy định của pháp luật, phù hợp, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

Đối với kháng cáo đề nghị tăng mức bồi thường thiệt hại là 19 triệu, HĐXX thấy: Bị cáo trộm cắp tài sản của anh H 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn xanh, đen, bạc, BKS 98B3-336.81 trị giá 10.500.000 đồng; 01 giá thồ hàng có giá trị 350.000 đồng. Tổng cộng là: 10.850.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường cho anh H số tiền này là có căn cứ.

Ngoài ra bị cáo còn tự nguyện bồi thường cho anh H 1.000.000 đồng để anh H đi xin lại các giấy tờ bị cáo làm mất gồm: 01 chứng minh thư nhân dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 bảo hiểm trách nhiệm dân sự. Xét thấy việc bị cáo tự nguyện bồi thường không trái pháp luật, nên cần chấp nhận.

Tổng số bị cáo phải bồi thường cho anh H là 11.850.000 đồng.

Anh H khai ngoài những tài sản bị trộm cắp nêu trên thì anh còn bị mất số tiền 2.000.000 đồng để trong ví ở cốp xe. Quá trình điều tra và tại phiên tòa B không thừa nhận, B khai khi nhờ người thanh niên trông xe hộ ở thị trấn Kép thì thấy cốp xe đã bị mở, B không biết trong ví có số tiền 2.000.000 đồng hay không. Ngoài lời khai của anh H thì không còn tài liệu, chứng cứ nào khác nên chưa đủ căn cứ xử lý đối với B, cũng như buộc bị cáo phải bồi thường số tiền này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị hại ông Trần Văn H không đưa ra được căn cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo B như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị hại ông Trần Văn H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại ông Trần Văn H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B **01 năm tù** về Trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 25/5/2021). Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Trần Văn H 11.850.000 đồng (mười một triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng).

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị hại Trần Văn H phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

Xác nhận ông Trần Văn H đã nộp 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm tại biên lai thu tiền số AA/2019/0003012 ngày 22/9/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (tiền án phí không tính lãi).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- TA, VKS, CA huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Dung